

## MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM PHỤ ÂM ĐẦU TIẾNG THÁI Ở XÃ THANH LÂM, TỈNH THANH HOÁ<sup>1</sup>

NGUYỄN THU HUYỀN<sup>2</sup>

**Abstract:** This article studies the characteristics of initial consonants in Thai language in Thanh Lam commune, Thanh Hoa province. Through this study, the article shows the number and characteristics of initial consonants in Thai language in Thanh Lam as well as their distinguishing criteria. Thereby, the article also shows the main trend in using parts to create sounds in the speech of Thai people in Thanh Lam commune, Thanh Hoa province.

**Keywords:** *Ethnic minority languages, Thai language, Thai phonetics, Thai initial consonant system in Thanh Lam commune, Thanh Hoa.*

### 1. Đặt vấn đề

Xã Thanh Lâm<sup>3</sup> là một xã miền núi nằm ở phía tây của tỉnh Thanh Hoá. Dưới thời nhà Nguyễn, Thanh Lâm thuộc xã Đại Thanh Quân thuộc Châu Thường Xuân. Với đặc điểm điều kiện địa hình chủ yếu là đồi núi và bị chia cắt bởi các khe, suối cùng với hệ thống sông nhỏ, tài nguyên thiên nhiên chủ yếu được khai thác ở dạng thô nên hiệu quả kinh tế thấp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Trên địa bàn xã hiện có hai dân tộc sinh sống là dân tộc Thái và dân tộc Kinh. Dân tộc Thái chiếm 90% dân số trên địa bàn và được chia làm hai bộ phận: Thái trắng và Thái đen. Đời sống kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Người Thái ở đây chủ yếu di cư từ vùng Tây Bắc xuống Quan Hoá và di cư theo các vùng núi và những con sông nhỏ. Cho đến nay, người Thái Thanh Lâm vẫn còn lưu giữ những truyền thống văn hoá của mình như Khắp Thái, đánh trống, chiêng, cát xa, khua lóng, ném còn, nhảy sạp,... Đàn ông Thái không có trang phục riêng. Phụ nữ Thái có trang phục hoa văn sặc sỡ, mặc áo khóm, đầu đội khăn có thêu hoa văn. Về ẩm thực, người Thái có nhiều món ăn đặc trưng như cơm lam, canh lóng, chèo, canh bồi,...

Tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá thuộc nhóm Tày Thanh. Về mặt địa lí, tiếng Thái Thanh là địa bàn chuyển tiếp trên con đường di cư của người Thái từ Tây Bắc sang Nghệ An. Tiếng nói của nhóm Thái nơi đây vẫn chưa được nghiên cứu và mô tả một cách kĩ lưỡng. Xuất phát từ thực tế đó, trong bài viết này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thổ ngữ này nhằm góp phần thiết thực vào việc giữ gìn, bảo tồn ngôn ngữ văn hoá nơi đây.

Ở nước ngoài, tiếng Thái đã thu hút sự quan tâm của nhiều tác giả ở các bình diện như từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, ngôn ngữ và văn hoá.

Theo hướng nghiên cứu về ngữ âm, tác giả Jay and Dorothy Fippingger (2009) có công trình nghiên cứu: *Black Tai Phonemes, with reference to White Tai* (Ngữ âm tiếng Thái đen trong so sánh với ngữ âm tiếng Thái trắng) [10]. Thông qua nghiên cứu này, bức tranh về hệ thống ngữ âm (hệ thống phụ âm, hệ thống nguyên âm) của tiếng Thái đen đã được tác giả miêu tả khá kĩ trong so sánh với tiếng Thái trắng. Nghiên cứu về thổ ngữ tiếng Thái ở một khu vực cụ thể, tác giả Michel-Ferlus (2008) có công trình nghiên cứu *Les Dialectes Tai du, Nghe An, Vietnam* (Tay Daeng, Tay Yo, Tay Muong) [11].

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025 “Ngữ âm tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa” do Viện Ngôn ngữ học là tổ chức chủ trì.

<sup>2</sup> Viện Ngôn ngữ học; Email: huyentue13@gmail.com

<sup>3</sup> Xã Thanh Lâm mà bài viết đề cập được khảo sát điều tra vào thời điểm trước khi sáp nhập theo Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025.

Nghiên cứu này đề cập đến hệ thống phụ âm đầu, phụ âm cuối và hệ thống nguyên âm trong tiếng Thái ở Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Nghệ An. Tuy nhiên, cho đến nay những nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về ngữ âm tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá chúng tôi chưa thấy được đề cập đến.

Ở Việt Nam, tiếng Thái cũng đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Các hướng nghiên cứu tập trung vào các vấn đề như ngữ âm, ngữ pháp, xây dựng cải tiến chữ viết; sử dụng, giảng dạy tiếng nói, chữ viết Thái, bảo tồn và phát triển chữ viết dân tộc Thái ở Việt Nam trong thời kì hội nhập;...

Theo hướng nghiên cứu về ngữ âm, tác giả Nguyễn Khắc Toàn (1973) đã có công trình nghiên cứu: *Về hệ thống ngữ âm tiếng Thái ở miền Bắc Việt Nam* (trong cuốn *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*) [7]. Tác giả đã dựa trên những nét giống nhau và khác nhau về hệ thống ngữ âm của tiếng Thái ở các vùng mà chia tiếng Thái làm 4 phương ngữ chính. Tiếp đó, hệ thống ngữ âm các phương ngữ của tiếng Thái đã được tác giả miêu tả khá cụ thể. Ngoài ra, tác giả cũng đưa ra được quy luật tương ứng giữa các âm vị trong các phương ngữ tiếng Thái. Cũng nghiên cứu về ngữ âm tiếng Thái, tác giả Nguyễn Kim Thân (2003) cũng có công trình nghiên cứu: *Vấn đề Latinh hoá chữ Thái* [6]. Thông qua công trình nghiên cứu này, tác giả đã cho thấy tiếng Thái ở Việt Nam là một ngôn ngữ thống nhất nhưng vẫn có những nét khác nhau về ngữ âm, từ vựng. Căn cứ vào ngữ âm, tác giả chia tiếng Thái ra làm 4 vùng phương ngữ khác nhau. Cách phân chia thành 4 vùng phương ngữ của tác giả Nguyễn Kim Thân về cơ bản cũng giống với cách phân chia của tác giả Nguyễn Khắc Toàn. Ngoài ra, những đặc điểm về cấu trúc của âm tiết tiếng Thái, hệ thống âm gốc, hệ thống âm đầu, hệ thống thanh điệu cũng được tác giả miêu tả khá kỹ lưỡng trong công trình nghiên cứu này. Cũng theo hướng nghiên cứu về ngữ âm, tác giả Phan Lương Hùng (2007) lại tiếp cận từ một thổ ngữ cụ thể với công trình nghiên cứu: *Thanh điệu tiếng Thái Vạn Mai từ góc độ đồng đại và lịch đại* [5]. Trong nghiên cứu này, tác giả đã mô tả được hệ thống thanh điệu tiếng Thái Vạn Mai khá đơn giản với 5 thanh điệu. Chất giọng chỉ là tiêu chí ngữ âm đi kèm giúp chúng ta nhận diện rõ hơn các thanh vị. Quá trình biến đổi của hệ thống thanh điệu tiếng Thái Vạn Mai nằm trong xu thế chung của các ngôn ngữ Tai,... Tuy vậy, tiếng Thái ở xã Thanh Lâm chúng tôi chưa thấy được các tác giả trong nước quan tâm, nghiên cứu.

## 2. Phương pháp và tư liệu nghiên cứu

**Phương pháp nghiên cứu:** Chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả với các thủ pháp luận giải bên trong như thống kê, phân tích và các thủ pháp luận giải bên ngoài gắn với các yếu tố văn hoá xã hội để làm rõ các đặc điểm về hệ thống phụ âm đầu của tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá.

**Tư liệu nghiên cứu:** Bài viết dựa trên nguồn tư liệu điều tra của PGS. Nguyễn Hữu Hoành được lưu trữ tại Viện Ngôn ngữ học. Nguồn tư liệu này được điều tra và khảo sát năm 2003 tại làng Lừ, xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá. Tư liệu là bảng công cụ khảo sát và file ghi âm thanh với khoảng gần 1.000 đơn vị từ vựng. Cộng tác viên là người có trình độ văn hoá tốt nghiệp đại học, sinh ra và lớn lên tại làng Lừ, xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá, không mắc các tật về phát âm. Những thành viên trong gia đình cộng tác viên đều là người Thái.

## 3. Một số đặc điểm phụ âm đầu tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá

### 3.1. Số lượng phụ âm đầu tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá

Để nhận diện phụ âm đầu trong tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá, chúng tôi sử dụng phương pháp nhận diện âm vị học bằng bối cảnh đồng nhất và tương đồng. Từ đó, chúng tôi xác lập được danh sách hệ thống phụ âm đầu trong ngôn ngữ này.

Bảng 1. Các âm vị phụ âm đầu theo bối cảnh đồng nhất và tương đồng  
(trong tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá)

STT	Bối cảnh ngữ âm đồng nhất		Âm vị được phân xuất
1	/pa <sup>33</sup> / (chị bố/ chị mẹ)	/ta <sup>32</sup> / (bén)	/p/ - /t/
	/pe <sup>33</sup> / (nào)	/nɯw <sup>33</sup> kaŋ <sup>32</sup> te <sup>35</sup> / (bỏ câu) /	
	/paɲ <sup>323</sup> / (báy)	/taɲ <sup>35</sup> / (chết)	
2	/cut <sup>31</sup> / (đốt)	/k <sup>h</sup> ut <sup>35</sup> / (đào)	/c - / k <sup>h</sup> /
	/ɲam <sup>35</sup> caw <sup>31</sup> / (bí)	/ɲon <sup>33</sup> k <sup>h</sup> aw <sup>31</sup> / (bông lúa)	
	/com <sup>323</sup> / (tóc)	/k <sup>h</sup> om <sup>323</sup> / (cút)	
3	/nă <sup>32</sup> ɲiew <sup>32</sup> / (nước đá)	/ɲam <sup>33</sup> / (nghĩ)	/n/ - /ɲ/
	/mɛ <sup>32</sup> nu <sup>323</sup> / (chuột)	/ɲu <sup>323</sup> / (rắn)	
	/na <sup>33</sup> / (mặt)	/ɲa <sup>325</sup> / (cành cây)	
4	/tăɲ <sup>32</sup> zɔ <sup>31</sup> / (tên dân tộc)	/kɔ <sup>323</sup> maj <sup>33</sup> / (thân cây)	/z/ - /k/
	/nă <sup>32</sup> zaŋ <sup>323</sup> lɯɲ <sup>323</sup> / (nước nháy)	/kaŋ <sup>35</sup> / (cắm)	
	/zin <sup>323</sup> / (đứng)	/kin <sup>33</sup> ba <sup>35</sup> / (rái cá)	
5	/si <sup>323</sup> / (kì cọ, cọ)	/di <sup>35</sup> / (tốt)	/s/ - /d/
	/som <sup>33</sup> / (quần)	/dom <sup>323</sup> / (ngủ)	
	/sup <sup>35</sup> / (chín)	/dup <sup>31</sup> / (bú)	
6	/mɛ <sup>33</sup> ɲwa <sup>33</sup> / (nhện)	/ɛ <sup>31</sup> ɲu <sup>33</sup> / (nhấn)	/m/ - /l/
	/mak <sup>31</sup> (hen <sup>323</sup> )/ (bắt tay chân)	/lak <sup>31</sup> / (lạc)	
	/kɔ <sup>323</sup> maj <sup>33</sup> / (thân cây)	/nă <sup>32</sup> laɲ <sup>33</sup> / (nước bọt)	
7	/ba <sup>35</sup> ma <sup>33</sup> / (trả lời)	/fa <sup>31</sup> / (trời)	/b/ - /f/
	/bɛ <sup>33</sup> / (con dê)	/fɛ <sup>33</sup> / (sét)	
	/ban <sup>33</sup> / (làng (buôn, bán))	/fan <sup>33</sup> / (hoẵng)	
8	/t <sup>h</sup> on <sup>323</sup> / (người Thổ)	/hon <sup>323</sup> na <sup>33</sup> / (lông mày)	/t <sup>h</sup> / - /h/
	/t <sup>h</sup> u <sup>31</sup> / (đũa)	/bɯ <sup>33</sup> hu <sup>323</sup> / (rái tai)	
	/t <sup>h</sup> ɔ <sup>323</sup> / (thỏ)	/hɔ <sup>31</sup> haɲ <sup>32</sup> / (tổ tiên)	
9	/ni <sup>31</sup> / (này)	/vi <sup>31</sup> / (vì)	/n/ - /v/
	/fon <sup>323</sup> tuɲ <sup>33</sup> na <sup>32</sup> het <sup>35</sup> / (mưa đá)	/du <sup>32</sup> va <sup>32</sup> lɯm <sup>35</sup> / (ở đâu)	
10	/ɲin <sup>35</sup> / (cáo)	/ʔin <sup>323</sup> nɔɲ <sup>33</sup> / (sỏi)	/ɲ/ - /ʔ/
	/ɲa <sup>33</sup> ka <sup>35</sup> / (cỏ tranh)	/ʔa <sup>33</sup> / (há mồm)	
	/ʔe <sup>35</sup> ɲaɲ <sup>35</sup> / (chơi)	/ʔaɲ <sup>33</sup> / (anh)	

Từ kết quả khảo sát ngữ liệu, chúng tôi thu được danh sách các âm vị phụ âm đứng ở vị trí âm đầu trong cấu trúc âm tiết tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá gồm 19 âm vị phụ âm như sau: /p, t, c, k, t<sup>h</sup>, k<sup>h</sup>, b, d, ʔ, m, n, ɲ, ɳ, f, v, s, z, h, l/.

### 3.2. Miêu tả hệ thống phụ âm đầu tiếng Thái tại xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá

Danh sách các phụ âm đầu xuất hiện trong các bối cảnh đồng nhất của tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá sẽ được chúng tôi miêu tả lần lượt, cụ thể như sau:

- /p/: là một phụ âm tắc, ồn (vô thanh), có vị trí cấu âm môi - môi. Những âm tiết trong tiếng Thái xã Thanh Lâm xuất hiện những phụ âm này có thể kể đến: /pa<sup>33</sup>/ (bác (chị của bố/ mẹ)); /pa<sup>31</sup>/ (rừng); /pu<sup>33</sup>/ (dốc); /pɯn<sup>323</sup>/ (vôi); /paɲ<sup>35</sup> di<sup>323</sup>/ (bên phải); /paɲ<sup>35</sup> pe<sup>31</sup>/ (bên trái); /pi<sup>323</sup> ni<sup>55</sup>/ (năm nay); ...

- /t/: là một phụ âm tắc, ồn (vô thanh), nhưng khác phụ âm /p/ ở vị trí cấu âm. Phụ âm này có vị

trí cấu âm đầu lưỡi - lợi. Ví dụ: /ta<sup>323</sup>/ (mắt); /hon<sup>323</sup> ta<sup>323</sup>/ (lông mi); /tin<sup>323</sup>/ (chân); /tăp<sup>35</sup>/ (gan); /năm<sup>32</sup> ta<sup>323</sup>/ (nước mắt); /tum<sup>35</sup> fi<sup>323</sup>/ (nhọt); /ten<sup>323</sup>/ (tên (tên người)); /ti<sup>ew</sup><sup>33</sup>/ (khó); /kɔn<sup>33</sup> tu<sup>33</sup>/ (gây); ...

- /c/: là một phụ âm tắc, ồn (vô thanh) nhưng có vị trí cấu âm mặt lưỡi và ngạc cứng. Các âm tiết có sự xuất hiện của phụ âm này có thể kể đến như /căj<sup>33</sup>/ (cái dùi); /cɤm<sup>32</sup>/ (muộn); /cut<sup>31</sup>/ (nhạt); /cɤw<sup>31</sup>/ (sáng); /com<sup>323</sup>/ (chìm); /cut<sup>31</sup>/ (đốt); /ha<sup>35</sup> cɤ<sup>35</sup>/ (thở); /ca<sup>33</sup>/ (nói); ...

- /k/: Phụ âm này cũng cùng nhóm với các phụ âm trên ở chỗ nó là một phụ âm tắc, ồn (vô thanh). Tuy nhiên, vị trí cấu âm của nó là gốc lưỡi và ngạc mềm. Các âm tiết trong tiếng Thái ở Thanh Lâm có sự xuất hiện của phụ âm này ở vị trí phụ âm đầu như: /măj<sup>31</sup> kon<sup>31</sup>/ (gỗ); /kum<sup>33</sup>/ (đêm); /ɲam<sup>33</sup> kaj<sup>323</sup>/ (buổi chiều); /kɛɲ<sup>33</sup>/ (thác); /kiɛɲ<sup>33</sup>/ (giếng); ...

- /tʰ/: là phụ âm tắc, ồn (vô thanh), vị trí cấu âm đầu lưỡi - lợi, bật hơi. Ví dụ: /tʰoj<sup>33</sup>/ (bát); /tʰem<sup>33</sup>/ (nêm); /tʰon<sup>323</sup>/ (người Thổ); /tʰuɲ<sup>32</sup>/ (nhổ bọt); /tʰaɲ<sup>35</sup>/ (phát rẫy); /tʰaw<sup>33</sup> năm<sup>31</sup>/ (tháo nước); ...

- /kʰ/: Đây là phụ âm tắc, ồn (vô thanh), vị trí cấu âm gốc lưỡi - ngạc mềm, bật hơi. Ví dụ: /kʰaw<sup>35</sup>/ (hai mươi); /ɲon<sup>33</sup> kʰaw<sup>31</sup>/ (bông lúa); /kʰwa<sup>35</sup>/ (cà); /hu<sup>ɤ</sup> ɲ<sup>33</sup> kʰɔ<sup>323</sup>/ (nhà kho); /kʰɤ<sup>33</sup>/ (gân); /kʰɛɲ<sup>323</sup>/ (cứng); ...

- /b/: Đây là phụ âm tắc, ồn (hữu thanh), vị trí cấu âm môi - môi. Ví dụ: /ba<sup>35</sup> ma<sup>33</sup>/ (trả lời); /bip<sup>31</sup>/ (bóp); /baj<sup>35</sup>/ (vài); /bɔm<sup>323</sup>/ (không); /ban<sup>33</sup> ʔa<sup>33</sup>/ (làng này); /bet<sup>31</sup>/ (tám); ...

- /d/: Đây là phụ âm tắc, ồn (hữu thanh), có vị trí cấu âm đầu lưỡi - lợi. Ví dụ: /din<sup>323</sup>/ (đất); /fa<sup>33</sup> de<sup>31</sup>/ (nặng); /paj<sup>35</sup> di<sup>323</sup>/ (bên phải); /du<sup>ɤ</sup> ɲ<sup>323</sup> di<sup>323</sup>/ (giun đất); /đăɲ<sup>35</sup>/ (mũi); /dũk<sup>31</sup> saɲ<sup>33</sup>/ (xương sườn); ...

- /ʔ/: Đây là phụ âm tắc, ồn (vô thanh), thanh hầu. Ví dụ: /ʔon<sup>31</sup>/ (mềm); /ʔom<sup>32</sup>/ (to, lớn); /ʔiɛw<sup>33</sup>/ (gây); /ʔe<sup>31</sup>/ (nhiều); /ʔum<sup>323</sup>/ (bản); /ʔok<sup>31</sup>/ (ra); /ʔe<sup>33</sup>/ (làm); /ʔa<sup>33</sup>/ (há (mồm)); /ʔa<sup>35</sup>/ (lấy (vợ, chồng)); ...

- /m/: Đây là phụ âm tắc, vang, có vị trí cấu âm môi - môi. Ví dụ: /mɤ<sup>32</sup> tu<sup>323</sup>/ (chúng tao); /me<sup>32</sup>/ (mẹ); /mɔj<sup>31</sup>/ ((người) Mường); /mɔk<sup>31</sup>/ (sương mù); /muɤɲ<sup>323</sup>/ (mường); /măj<sup>31</sup> kon<sup>31</sup>/ (gỗ); ...

- /n/: Đây là phụ âm tắc, vang, có vị trí cấu âm đầu lưỡi - lợi. Ví dụ: /nɔɲ<sup>35</sup>/ (ao); /naj<sup>32</sup>/ (bà ngoại); /kan<sup>35</sup> na<sup>35</sup>/ (bờ ruộng); /nam<sup>32</sup>/ (bùn); /ko<sup>35</sup> niɛɲ<sup>32</sup>/ (biểu cổ); /na<sup>31</sup>/ (cậu); /ka<sup>32</sup> nuɲ<sup>33</sup>/ (cháo); /nan<sup>35</sup>/ (cháu); ...

- /ɲ/: Đây là phụ âm tắc, vang, có vị trí cấu âm mặt lưỡi - ngạc cứng. Ví dụ: /ɲam<sup>35</sup> kaj<sup>323</sup>/ (buổi chiều); /ɲiɲ<sup>35</sup>/ (bản); /ɲam<sup>35</sup> caw<sup>31</sup>/ (buổi sáng); /ɲin<sup>35</sup>/ (cáo); /ɲa<sup>33</sup>/ (cò); /ɲen<sup>323</sup>/ (cáo); /nok<sup>31</sup> ɲaɲ<sup>33</sup>/ (cò); ...

- /ɲ/: Đây là phụ âm tắc, vang, có vị trí cấu âm gốc lưỡi - ngạc mềm. Ví dụ: /ɲin<sup>33</sup>/ (một nghìn); /ɲo<sup>33</sup>/ (bò); /ɲon<sup>33</sup> kʰaw<sup>31</sup>/ (bông lúa); /ɲo<sup>323</sup>/ (cười); /ɲa<sup>35</sup>/ (ngà voi); /ɲet<sup>35</sup>/ (ngày); /ɲam<sup>33</sup>/ (nghĩ); ...

- /f/: Đây là phụ âm xát, ồn (vô thanh), có vị trí cấu âm môi - răng. Ví dụ: /fe<sup>33</sup>/ (sét); /fon<sup>323</sup>/ (mưa); /fɔɲ<sup>35</sup>/ (sóng); /fa<sup>323</sup> hin<sup>323</sup>/ (vách đá); /fi<sup>33</sup>/ (lửa); /făk<sup>35</sup>/ (rau); /mu<sup>323</sup> fɔk<sup>31</sup>/ (lợn đực); ...

- /v/: Đây là phụ âm xát, ồn (hữu thanh), có vị trí cấu âm môi - răng. Ví dụ: /vi<sup>31</sup>/ (bởi vì); /tau<sup>32</sup> vun<sup>31</sup>/ (cỏ tranh); /du<sup>32</sup> va<sup>32</sup> lɤm<sup>35</sup>/ (ở đâu); ...

- /s/: Đây là phụ âm xát, ồn (vô thanh), có vị trí cấu âm đầu lưỡi bẹt - lợi. Ví dụ: /sɔɲ<sup>33</sup>/ (rồi); /sɤɲ<sup>33</sup>/ (ruột); /sup<sup>35</sup>/ (chín); /saj<sup>33</sup>/ (cát); /mɤ<sup>33</sup> se<sup>35</sup>/ (chúng nó); ...

- /z/: Đây là phụ âm xát, ồn (hữu thanh), có vị trí cấu âm đầu lưỡi - lợi. Ví dụ: /tăj<sup>32</sup> zɔ<sup>31</sup>/ (tên dân tộc); /zu<sup>32</sup> han<sup>33</sup>/ (áy); /năm<sup>32</sup> zaɲ<sup>323</sup> luɤɲ<sup>323</sup>/ (nước nhậy); ...

- /h/: Đây là phụ âm xát, ồn (vô thanh), có vị trí cấu âm thanh hầu. Ví dụ: /het<sup>35</sup>/ (nắm); /han<sup>32</sup>/ (ngỗng); /hɔt<sup>31</sup>/ (nóng); /hɔj<sup>35</sup>/ (óc); /ce<sup>33</sup> ha<sup>33</sup>/ (đờm); ...

- /l/: Đây là phụ âm xát bên, vang, có vị trí cấu âm đầu lưỡi - lợi. Ví dụ: /năm<sup>32</sup> laj<sup>33</sup>/ (nước bọt); /let<sup>35</sup>/ (sát); /lin<sup>33</sup>/ (tê tê); /luɤk<sup>31</sup>/ (con); /lan<sup>323</sup>/ (cháu); /lep<sup>35</sup> mu<sup>33</sup>/ (nhân); /fen<sup>31</sup> lot<sup>31</sup>/ (tã lót); ...

### 3.3. Các tiêu chí khu biệt

Các phụ âm đầu trong tiếng Thái ở xã Thanh Lâm khu biệt âm vị học với nhau theo các tiêu chí sau đây:

\* Về phương thức cấu âm, có thể phân chia hệ thống phụ âm đầu tiếng Thái ở xã Thanh Lâm như sau:

+ Các phụ âm tắc: /p, t, c, k, t<sup>h</sup>, k<sup>h</sup>, b, d, ʔ, m, n, ɲ, ŋ/.

+ Các phụ âm xát: /f, v, s, z, l, h/.

Các phụ âm tắc, xát trên đây tạo thành thể đối lập tương liên tắc - xát. Ví dụ: /nam<sup>31</sup>/ (bùn) - /sam<sup>323</sup>/ (ba); /kaj<sup>31</sup>/ (say) - /saj<sup>33</sup>/ (cát); /hu<sup>323</sup>/ (tai) - /kɔn<sup>33</sup> tu<sup>33</sup>/ (gậy); /ban<sup>33</sup>/ (làng) - /fan<sup>33</sup>/ (hoảng); ...

\* Về vị trí cấu âm, có thể phân chia hệ thống phụ âm đầu tiếng Thái ở xã Thanh Lâm như sau:

+ Các phụ âm môi: /p, b, m, f, v/. Ví dụ: /pɛ<sup>35</sup>/ (nào); /bɔm<sup>323</sup>/ (không); /mɿ<sup>32</sup> tu<sup>323</sup>/ (chúng tao); /fa<sup>31</sup>/ (trời); /tau<sup>32</sup> vun<sup>31</sup>/ (cỏ tranh); ...

+ Các phụ âm lợi: /t, t<sup>h</sup>, d, n, s, l, z/. Ví dụ: /tin<sup>33</sup>/ (ngắn); /tim<sup>323</sup>/ (đầy); /t<sup>h</sup>aw<sup>33</sup>/ (tháo); /dom<sup>323</sup>/ (người); /dup<sup>31</sup>/ (bú); /lom<sup>32</sup>/ (ngã); /cɿ<sup>35</sup> la<sup>33</sup>/ (khi nào); /zu<sup>32</sup> han<sup>33</sup>/ (áy); ...

+ Các phụ âm ngạc: /c, ɲ/. Ví dụ: /luk<sup>31</sup> bi<sup>35</sup> ce<sup>33</sup>/ (chim sẻ); /cok<sup>35</sup>/ (cối); /ɲa<sup>33</sup>/ (cỏ); /ɲen<sup>323</sup>/ (cáo); /nok<sup>31</sup> ɲaŋ<sup>33</sup>/ (cò); ...

+ Các phụ âm mạc: /ŋ, k, k<sup>h</sup>/. Ví dụ: /ŋo<sup>323</sup>/ (cuối); /ta<sup>323</sup> ŋet<sup>35</sup>/ (mặt trời); /ŋa<sup>35</sup>/ (ngà voi); /kop<sup>35</sup>/ (éch); /kit<sup>31</sup> ho<sup>31</sup>/ (dế); /biɲ<sup>33</sup> k<sup>h</sup>ia<sup>32</sup> ko<sup>32</sup>/ (que cời); ...

+ Các phụ âm thanh hầu: /h, ʔ/. Ví dụ: /kit<sup>31</sup> ho<sup>31</sup>/ (dế); /hǎj<sup>33</sup> kǎj<sup>31</sup>/ (bọ mạt); /hon<sup>323</sup>/ (lông); /ʔom<sup>32</sup>/ (to, lớn); /ʔiew<sup>33</sup>/ (gậy); /ʔe<sup>31</sup>/ (nhiều); ...

Các loạt phụ âm được phân chia theo vị trí cấu âm tạo thành các thể tương liên khác nhau về vị trí cấu âm. Trong tiếng Thái ở xã Thanh Lâm cũng có các thể tương liên về vị trí cấu âm như phụ âm môi - lợi; phụ âm lợi - ngạc, phụ âm ngạc - mạc; phụ âm mạc - thanh hầu, ... Chúng ta có thể hình dung về các thể tương liên này qua các ví dụ sau đây:

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm môi với vị trí cấu âm lợi: /taj<sup>35</sup>/ (chết) - /paj<sup>35</sup> di<sup>323</sup>/ (bên phải); /naj<sup>32</sup>/ (bà ngoại) / - /no<sup>323</sup> maj<sup>31</sup>/ (chòi cây); /di<sup>323</sup>/ (đẹp, tốt) - /bi<sup>31</sup>/ (chuồn chuồn); ...

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm môi với vị trí cấu âm ngạc: /mǎt<sup>35</sup> ma<sup>323</sup>/ (bọ chó) - /ɲa<sup>33</sup>/ (cỏ); /cet<sup>35</sup>/ (bẫy) - /pet<sup>35</sup>/ (vịt); ...

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm môi với vị trí cấu âm mạc: /pun<sup>323</sup>/ (vôi) - /kun<sup>35</sup>/ (cùn); /ɲa<sup>33</sup> ka<sup>35</sup>/ (cỏ gianh) - /cim<sup>33</sup> pa<sup>323</sup>/ (rái cá); /ɲa<sup>325</sup>/ (cành cây) - /ma<sup>35</sup>/ (chó); ...

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm môi với vị trí cấu âm thanh hầu. /fa<sup>33</sup>/ (vải) - /ʔaj<sup>33</sup>/ (anh); /maj<sup>33</sup> huɿ ɲn<sup>33</sup>/ (mái nhà) - /haj<sup>33</sup>/ (xấu); /fa<sup>323</sup> hin<sup>323</sup>/ (vách đá) - /pin<sup>323</sup>/ (trèo); ...

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm lợi với vị trí cấu âm ngạc: /ɲam<sup>35</sup> kaj<sup>323</sup>/ (buổi chiều) - /nǎm<sup>32</sup> mua<sup>35</sup> fuɿ ɲ<sup>33</sup>/ (mật ong); /ɲuɲ<sup>33</sup>/ - /ka<sup>32</sup> nuɲ<sup>33</sup>/ (cháo); /kon<sup>33</sup> caj<sup>33</sup>/ (con gái) - /taj<sup>35</sup>/ (chết); /tom<sup>33</sup>/ (nấu) - /com<sup>35</sup>/ (chìm); ...

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm lợi với vị trí cấu âm mạc: /ɲon<sup>33</sup> k<sup>h</sup>aw<sup>31</sup>/ (bông lúa) - /t<sup>h</sup>aw<sup>33</sup> nǎm<sup>31</sup>/ (tháo nước); /k<sup>h</sup>oɲ<sup>32</sup> (cuối) - /t<sup>h</sup>oɲ<sup>33</sup>/ (bát); /ɲu<sup>33</sup>/ (rắn) - /nu<sup>33</sup>/ (vú); ...

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm lợi với vị trí cấu âm thanh hầu: /taj<sup>35</sup>/ (chết) - /ʔaj<sup>33</sup>/ (anh); /tom<sup>33</sup>/ (nấu) - /ʔom<sup>33</sup>/ (ốm); /saj<sup>33</sup>/ (cát) - /haj<sup>33</sup>/ (xấu); ...

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm ngạc với vị trí cấu âm mạc: /mo<sup>32</sup> ka<sup>32</sup> ca<sup>32</sup>/ (sương giá) - /ka<sup>35</sup>/ (quạ); /ɲam<sup>35</sup> caw<sup>31</sup>/ (buổi sáng) - /kaw<sup>35</sup>/ (tanh); /ɲin<sup>35</sup>/ (cáo) - /ɲin<sup>33</sup>/ (một nghìn); /ɲa<sup>33</sup>/ (vùng) - /ɲa<sup>33</sup> ka<sup>35</sup>/ (cỏ tranh); ...

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm ngạc với vị trí cấu âm thanh hầu: /kon<sup>33</sup> **caj**<sup>33</sup>/ (đàn ông) - /ʔaj<sup>33</sup>/ (anh); / **cim**<sup>33</sup> pa<sup>323</sup>/ (rái cá) - /**him**<sup>33</sup> sop<sup>35</sup>/ (môi); /haj<sup>33</sup>/ (xấu) - /ʔe<sup>35</sup> **paj**<sup>35</sup>/ (chơi);...

+ Các cặp đối lập được sắp xếp theo thể tương liên về vị trí cấu âm mạc với vị trí cấu âm thanh hầu: /**kǎn**<sup>33</sup> na<sup>35</sup>/ (bờ ruộng) - /**ʔǎn**<sup>323</sup> la<sup>33</sup>/ (gì, cái gì); /**nam**<sup>35</sup> **kaj**<sup>323</sup>/ (buổi chiều) - /ʔaj<sup>33</sup>/ (anh); ...

\* Ngoài việc dựa vào phương thức cấu âm và vị trí cấu âm, chúng tôi cũng dựa vào sự tham gia của dây thanh trong quá trình cấu âm và tỉ lệ của thanh tính trong các phụ âm để phân loại phụ âm. Theo đó, hệ thống phụ âm tiếng Thái ở xã Thanh Lâm được chúng tôi phân chia thành các tiểu loại sau đây:

+ *Phụ âm vang*: những phụ âm được cấu tạo chủ yếu bằng tiếng thanh như /m, n, l, ɲ, ɳ/.

+ *Phụ âm ồn*: những phụ âm được cấu tạo chủ yếu bằng tiếng động như /p, t, c, k, t<sup>h</sup>, k<sup>h</sup>, b, d, ʔ, f, v, s, z, h/.

Trong loạt phụ âm ồn, chúng tôi tiếp tục phân chia thành các tiểu loại nhỏ hơn dựa vào sự tham gia hay không tham gia của thanh tính.

*Phụ âm hữu thanh* bao gồm những phụ âm sau: /b, d, v, z/. Những phụ âm này được tạo ra khi quá trình cấu âm của chúng có sự tham gia của dây thanh nhưng tỉ lệ thanh tính chỉ chiếm một phần nhỏ.

*Phụ âm vô thanh* bao gồm những phụ âm như: /p, t, c, k, t<sup>h</sup>, k<sup>h</sup>, ʔ, f, s, h/. Những phụ âm này được tạo ra khi quá trình cấu âm của chúng không có sự tham gia của dây thanh. Nói cách khác, dây thanh hoàn toàn không rung trong suốt quá trình cấu âm. Hai dây thanh ép chặt vào hai thành thanh hầu, luồng không khí đi lên mà không làm dây thanh rung.

Những phụ âm vang và ồn trên đây cũng tạo thành thể đối lập vang - ồn, ví dụ như: /nam<sup>31</sup>/ (bùn) - /**ham**<sup>33</sup> pi<sup>323</sup>/ (sang năm); /mak<sup>31</sup>/ (quả) - /hak<sup>31</sup>/ (củ); /**ɲa**<sup>325</sup> **maj**<sup>33</sup>/ (cành) - /saj<sup>33</sup>/ (cát); /ko<sup>323</sup> **faj**<sup>55</sup>/ (cây bông) - /naj<sup>32</sup>/ (bà ngoại); /**ɲet**<sup>35</sup>/ (ngày) - /ten<sup>323</sup>/ (tên); /**ɲǎŋ**<sup>35</sup> noj<sup>31</sup>/ (trẻ) - /**fǎŋ**<sup>323</sup> **nuyj**<sup>31</sup>/ (nghĩ);...

Loạt các phụ âm ồn trong tiếng Thái ở Thanh Lâm được chúng tôi chia thành các phụ âm hữu thanh và các phụ âm vô thanh, tạo thành thể đối lập hữu thanh - vô thanh, như sau: /**paj**<sup>35</sup> di<sup>323</sup>/ (bên phải) - /ko<sup>323</sup> **baj**<sup>35</sup>/ (cây mây); /**duym**<sup>323</sup> **din**<sup>323</sup>/ (giun đất) - /son<sup>33</sup> **tin**<sup>323</sup>/ (gót chân); ...

Từ những miêu tả trên đây, chúng tôi đưa ra Bảng hệ thống âm vị phụ âm đầu trong tiếng Thái ở xã Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hoá như sau:

Bảng 2. Hệ thống âm vị phụ âm đầu tiếng Thái ở xã Thanh Lâm:

Phương thức cấu âm		Vị trí cấu âm		Môi	Lợi	Ngạc	Mạc	Thanh hầu
		không bật hơi	vô thanh hữu thanh					
Tắc	ồn				t <sup>h</sup>		k <sup>h</sup>	
				p	t	c	k	ʔ
				b	d			
Vang (mũi)				m	n	ɲ	ɳ	
Xát	thường		vô thanh	f				
			hữu thanh	v	z			
	lưỡi bẹt		vô thanh		s			h
			hữu thanh		l			

#### 4. Kết luận

Trong khuôn khổ ngữ liệu khảo sát của chúng tôi, tiếng Thái ở xã Thanh Lâm có hệ thống âm vị phụ âm đầu khá đơn giản với số lượng phụ âm đầu thấp. Hệ thống phụ âm đầu trong tiếng Thái ở xã Thanh Lâm bao gồm 19 phụ âm. Các phụ âm đầu này đối lập với nhau theo các tiêu chí về phương thức cấu âm, vị trí cấu âm và thanh tính. Trong số 19 phụ âm đầu xuất hiện trong tiếng Thái ở xã Thanh Lâm số lượng các phụ âm đầu có vị trí cấu âm lợi xuất hiện phong phú nhất với 07 phụ âm. Số lượng phụ âm đầu có vị trí cấu âm môi xếp thứ 2 với 05 phụ âm. Tiếp theo là các phụ âm có vị trí cấu âm mạc với 03 phụ âm. Số lượng các phụ âm đầu có tỉ lệ xuất hiện thấp nhất tập trung vào các phụ âm có vị trí cấu âm ngạc (02 phụ âm) và thanh hầu (02 phụ âm). Như vậy, xu hướng dùng các bộ phận như lợi và môi để tạo ra các âm thanh trong tiếng nói của người Thái ở xã Thanh Lâm là xu hướng chủ đạo.

Tiếng Thái ở xã Thanh Lâm không xuất hiện các phụ âm như /w/, /j/ độc lập ở vị trí phụ âm đầu. Yếu tố /w/ xuất hiện trong các tổ hợp như [kw, hw, k<sup>hw</sup>,...] được chúng tôi xếp vào thành tố của phần vần, chứ ko phải là thành tố của phụ âm đầu hay một thuộc tính của phụ âm đầu. Chúng tôi chọn giải pháp này vì giải pháp này chỉ làm tăng thêm 01 vị trí trong cấu trúc của phần vần trong âm tiết.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Sầm Văn Bình. *Sử dụng và nghiên cứu chữ Thái ở Việt Nam*, Kỉ yếu hội thảo Ngôn ngữ học Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển. Viện Ngôn ngữ học, 2017.
2. Trần Trí Dõi - Nguyễn Văn Hòa. *Nhập môn tiếng Thái ở Việt Nam - Tiếng Thái đen vùng Tây Bắc*, NXB Đại học Quốc gia. 2010.
3. Trần Trí Dõi - Nguyễn Văn Hòa. *Tiếng Thái cơ sở - Tiếng Thái đen vùng Tây Bắc*, NXB Đại học Quốc gia. 2010.
4. Nguyễn Hữu Hoàn. *Một số nhận xét về tình hình sử dụng ngôn ngữ và chữ viết của người Thái ở vùng Phú Yên, Sơn La*. Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, số 12. 2007.
5. Phan Lương Hùng. *Thanh điệu tiếng Thái Vạn Mai từ góc độ đồng đại và lịch đại*. Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, số 9. 2007.
6. Nguyễn Kim Thân. *Nguyễn Kim Thân tuyển tập*, NXB Khoa học xã hội. 2003.
7. Nguyễn Khắc Toàn. *Về hệ thống ngữ âm tiếng Thái ở Miền Bắc Việt Nam*. Trong *Tìm hiểu các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Viện Ngôn ngữ học, 1972.
8. Viện Dân tộc học. *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở Miền Bắc Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội. 1975.
9. Ủy ban dân tộc - Tổng cục thống kê. *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, NXB Thống kê. 2019.

##### Tiếng nước ngoài

10. Jay Fippinger and Dorothy Fippinger, Black Tai Phonemes with Reference to White Tai, *Anthropological Linguistics*, Vol.12, No. 3, The Trustees of Indiana University on behalf of Anthropological Linguistics, 2009.
11. Michel Ferlus. *Les Dialectes tai du, Nghe An, Vietnam (Tay Daeng, Tay Yo, Tay Muong)*, Diller, Anthony V.N.; Edmondson, Jerold A.; Luo, Yongxian. *The Tai-Kadai languages*, Routledge, pp. 298-315. 2008.